

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC
Mã Thành viên : 106
Trụ sở chính : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41- 43 Trần Cao
Vân, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08)38258106
Fax : (08) 38248655
Người thực hiện công bố : Huỳnh Thị Dương Thiện
thông tin
Điện thoại : 0941567797

Loại thông tin công bố : 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính năm 2020 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.
2. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố bị lỗ và thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC vào ngày 29/03/2021 tại đường dẫn: <http://www.asc.com.vn/#/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người được ủy quyền công bố thông tin



Huỳnh Thị Dương Thiện

CV: 09/CV-ASC/2021

V/v Giải trình LNST năm 2020 lỗ
 & chênh lệch 10% so với năm 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Kính gửi : Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ & chênh lệch 10% so với năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	So sánh	
			Chênh lệch	% CL
1. Doanh thu hoạt động	1.029.789.742	6.668.306.579	(5.638.516.837)	(85%)
2. Chi phí	4.614.008.103	6.559.530.335	(1.945.522.232)	(30%)
- Chi phí hoạt động kinh doanh	2.699.805.142	3.320.756.438	(620.951.296)	(19%)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.914.202.961	3.238.773.897	(1.324.570.936)	(41%)
3. Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(3.584.218.361)	108.776.244	(3.692.994.605)	(3395%)
4. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(3.584.218.361)	87.020.995	(3.671.239.356)	(4219%)

- Doanh thu hoạt động năm 2020 giảm 5,6 tỷ đồng (tương đương 85%) so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do các hợp đồng tư vấn của ASC mang tính chất dài hạn, trong kỳ ít dự án được hoàn thành; ngoài ra còn một số hợp đồng khác bị đình trệ do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

- Chi phí giảm 1,9 tỷ đồng (tương đương 30%) chủ yếu là do không phát sinh dự phòng các khoản phải thu khó đòi như năm 2019, đồng thời kiểm soát chi phí tốt hơn trong tình hình khó khăn.

→ Doanh thu giảm mạnh dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 của ASC lỗ 3,58 tỷ đồng, giảm 3,67 tỷ đồng (tương đương 4291%) so với cùng kỳ năm 2019.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Tổng Giám đốc *hbk*



Đặng Quang Tý

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	09 - 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 13
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	15 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

Giấy phép thành lập và hoạt động số

Ngày

Giấy phép 313/UBCK-GP

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Giấy phép 327/UBCK-GP

Ngày 26 tháng 05 năm 2010

Giấy phép 98/GPĐC-UBCK

Ngày 06 tháng 07 năm 2012

Giấy phép 36/GPĐC-UBCK

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

Giấy phép 04/GPĐC-UBCK

Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vốn điều lệ : 56.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định : 10.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 3825 8106

Fax : +84 (28) 3824 8655

Mã số thuế : 0 3 0 9 6 6 6 4 5 1

3. Ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của công ty trong giai đoạn tài chính hiện tại là tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch	24/02/2010	-
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	06/05/2014	-
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên	22/09/2014	-

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thái Minh	Trưởng Ban	26/04/2018	-
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên	23/12/2014	-



4.3 Ban Tổng Giám đốc và Quyền kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Quyền kế toán trưởng của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Quang Tý	Tổng Giám đốc	01/11/2013	-
Ông Nguyễn Đăng Khôi	Phó Tổng Giám đốc	29/08/2019	30/10/2020
Bà Phan Thị Minh Huyền	Q. Kế toán trưởng	05/08/2014	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Minh Hoàn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đặng Quang Tý - Tổng Giám đốc, được Ông Phan Minh Hoàn ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 01A/2015/QĐUQ-ASC ngày 27/01/2015.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 27.

7. Sự kiện quan trọng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

9. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

2817
VG T
HIỆM H
N VÀ T
IN V
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021.

TM. Ban Tổng Giám đốc



ĐẶNG QUANG TÝ
Tổng Giám đốc



Số: 2157/21/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 (từ trang 07 đến trang 27), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thanh Hồng - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.121.307.114	37.017.886.921
110	I. Tài sản tài chính		31.633.358.962	35.754.075.968
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	25.166.675.962	25.051.992.968
111.1	1.1 Tiền		25.166.675.962	25.051.992.968
118	2. Trả trước cho người bán	V.2	9.900.000	109.900.000
119	3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	V.3	2.155.000.000	1.390.400.000
122	4. Các khoản phải thu khác	V.4	7.626.152.175	12.526.152.175
129	5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	V.5	(3.324.369.175)	(3.324.369.175)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.487.948.152	1.263.810.953
131	1. Tạm ứng	V.6	1.429.097.625	1.256.850.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	7.982.773	6.960.953
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	V.8a	1.130.000.000	1.130.000.000
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		50.867.754	-
139	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	V.9	(1.130.000.000)	(1.130.000.000)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		782.202.445	933.544.509
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		632.708.453	807.300.509
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	489.908.453	593.100.509
222	- Nguyên giá		2.376.225.011	2.376.225.011
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.886.316.558)	(1.783.124.502)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	142.800.000	214.200.000
228	- Nguyên giá		2.839.121.305	2.839.121.305
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.696.321.305)	(2.624.921.305)
250	V. Tài sản dài hạn khác		149.493.992	126.244.000
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	V.8b	126.244.000	126.244.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn		23.249.992	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		33.903.509.559	37.951.431.430



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.327.416.916	1.791.120.426
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.327.416.916	1.791.120.426
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn		5.266.940	-
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	725.300.000	808.500.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	53.922.640	167.501.581
323	4. Phải trả người lao động		211.428.134	457.219.369
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		98.821.628	105.265.628
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	42.406.000	62.362.274
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	V.15	190.271.574	190.271.574
400	D. D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		32.576.092.643	36.160.311.004
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	32.576.092.643	36.160.311.004
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(23.423.907.357)	(19.839.688.996)
417.1	2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(23.423.907.357)	(19.839.688.996)
417.2	2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		33.903.509.559	37.951.431.430

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

005	A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT		27,82	38,82
006	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)			
	2. Cổ phiếu đang lưu hành		5.600.000	5.600.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN		-	-

Người lập biểu

PHAN THỊ MINH HUYỀN

Q. Kế toán trưởng

PHAN THỊ MINH HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Tổng Giám đốc

ĐẶNG QUANG TÝ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-	-
08	1.2. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	VI.1	-	383.450.000
10	1.3. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	VI.1	1.028.181.818	6.280.681.818
11	1.4. Thu nhập hoạt động khác		-	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.028.181.818	6.664.131.818
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	2.1. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		-	-
29	2.2. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	(191.074.260)
30	2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		-	-
31	2.4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(2.699.805.142)	(3.129.682.178)
32	2.5. Chi phí các dịch vụ khác		-	-
40	Cộng chi phí hoạt động	VI.2	(2.699.805.142)	(3.320.756.438)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng		1.607.924	4.174.761
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.607.924	4.174.761
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.1. Chi phí lãi vay		-	-
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	VI.3	(1.914.202.961)	(3.238.773.897)
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(3.584.218.361)	108.776.244

5-C
Y
HẠN
TƯ VẤN
/IẾT
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
80	Cộng kết quả hoạt động khác		-	-
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(3.584.218.361)	108.776.244
91	9.1. Lợi nhuận đã thực hiện		-	-
92	9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	(21.755.249)
100.1	10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.13	-	(21.755.249)
100.2	10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(3.584.218.361)	87.020.995
300	XII THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		(3.584.218.361)	87.020.995
500	XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.4	(640)	16
502	13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.5	(640)	16

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ MINH HUYỀN

PHAN THỊ MINH HUYỀN

ĐẶNG QUANG TÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp		(3.584.218.361)	108.776.244
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		174.592.056	1.149.383.414
03	- Khấu hao TSCĐ	V.10, V.11	174.592.056	180.270.746
04	- Các khoản dự phòng		-	969.112.668
05	(- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.		-	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
08	- Dự thu tiền lãi		-	-
09	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		-	-
11	- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	-
12	- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	-
13	- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản cho vay		-	-
14	- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại		-	-
15	- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT		-	-
16	- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
17	- Lỗ khác		-	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		-	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	-
20	- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		-	-
21	- Lãi khác		-	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.409.626.305)	1.258.159.658
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	-
32	- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	-
33	- Tăng (giảm) Các khoản cho vay		-	-
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	-
35	(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	-
36	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	-
37	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(764.600.000)	(1.360.400.000)
38	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC		-	-
39	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		5.000.000.000	(5.728.180.900)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(223.115.379)	-
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(19.956.274)	(231.915.666)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(24.271.812)	3.353.848
43	(-) Thuế TNDN đã nộp	V.13	(21.755.249)	-
44	(-) Lãi vay đã trả		-	-
45	- Tăng (giảm) phải trả cho người bán		5.266.940	(14.280.000)
46	- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(6.444.000)	(5.151.000)
47	- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(91.823.692)	(587.023.378)
48	- Tăng (giảm) phải trả người lao động		(245.791.235)	39.293.189
49	- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC		-	-
50	- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác		(83.200.000)	(1.850.484.100)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		114.682.994	(8.476.628.349)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	-
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		-	-
64	4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		-	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	-
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
72	2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	-
73	3. Tiền vay gốc		-	-
73.1	3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
73.2	3.2. Tiền vay khác		-	-
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
74.1	4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
74.2	4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		-	-
74.3	4.3. Tiền chi trả gốc vay khác		-	-
75	5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		114.682.994	(8.476.628.349)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		25.051.992.968	33.528.621.317
101.1	- Tiền		25.051.992.968	33.528.621.317
101.2	- Các khoản tương đương tiền		-	-
102	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		25.166.675.962	25.051.992.968
103.1	- Tiền		25.166.675.962	25.051.992.968
103.2	- Các khoản tương đương tiền		-	-
104	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		-	-
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		-	-
03	3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng		-	-
04	4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng		-	-
05	5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
06	6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
07	7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	-
08	8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	-
09	9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng		-	-
10	10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng		-	-
11	11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		-	-
12	12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán		-	-
13	13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán		-	-
14	14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
15	15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		-	-
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		-	-
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	-
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	-
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
36	Các khoản tương đương tiền		-	-
37	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		-	-
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	-
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	-
45	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	-
	Trong đó có kỳ hạn		-	-
46	Các khoản tương đương tiền		-	-
47	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-

33031
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC
 CHU
 15-11

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





PHAN THỊ MINH HUYỀN

PHAN THỊ MINH HUYỀN

ĐẶNG QUANG TÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng giảm trong kỳ						Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2019	Ngày 01/01/2020	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020		
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
I. Biến động vốn chủ sở hữu											
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000	-	-	-	-	56.000.000.000	56.000.000.000		
1.1. Vốn pháp định		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000		
1.2. Vốn bổ sung		21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	-	-	21.000.000.000	21.000.000.000		
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(19.926.709.991)	(19.839.688.996)	87.020.995	-	-	3.584.218.361	(19.839.688.996)	(23.423.907.357)		
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(19.926.709.991)	(19.839.688.996)	87.020.995	-	-	3.584.218.361	(19.839.688.996)	(23.423.907.357)		
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-		
Tổng cộng		36.073.290.009	36.160.311.004	87.020.995	-	-	3.584.218.361	36.160.311.004	32.576.092.643		
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-		

Người lập biểu

Phan Thị Minh Huyền

PHAN THỊ MINH HUYỀN

Q. Kế toán trưởng

Phan Thị Minh Huyền

PHAN THỊ MINH HUYỀN



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty trong kỳ kế toán hiện tại là tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty trong kỳ kế toán hiện tại là tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty lỗ là do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19) dẫn đến số lượng và giá trị ký kết các hợp đồng tư vấn bị giảm và theo dự đoán sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 16 nhân viên đang làm việc, số lao động tại ngày đầu năm là 19 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh báo cáo tài chính này được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán” trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ một 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ một 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung ở Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc	08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị văn phòng	04

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.



8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ ba (3) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động: Chi phí thuê văn phòng và Chi phí vật dụng văn phòng.

9. Các khoản phải trả và chi phí trả trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lỗi chưa phân phối

Lỗi chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lỗi chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lỗi đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác: tư vấn quản trị công ty cổ phần; tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp; tư vấn & tổ chức Đại hội cổ đông; tư vấn tài chính doanh nghiệp

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	349.974.331	318.205.413
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	24.816.701.631	24.733.787.555
Cộng	<u>25.166.675.962</u>	<u>25.051.992.968</u>

2. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	9.900.000	109.900.000
- Công ty CP Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư Việt Nam	9.900.000	9.900.000
- Phải trả người bán khác	-	100.000.000
Cộng	<u>9.900.000</u>	<u>109.900.000</u>

3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	2.155.000.000	1.390.400.000
- Công ty CP Quảng cáo Tổ chức Sự kiện và Tư vấn Vạn Tín	1.355.000.000	1.355.000.000
- Các khách hàng khác	770.000.000	35.400.000
Cộng	<u>2.155.000.000</u>	<u>1.390.400.000</u>

Trong đó: khoản nợ phải thu trên 90 ngày 1.355.000.000 đồng

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	7.624.369.175	3.324.369.175	12.524.369.175	3.324.369.175
- Công ty CP Hoàn Lộc Việt	4.300.000.000	-	9.200.000.000	-
- Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam	3.324.369.175	3.324.369.175	3.324.369.175	3.324.369.175
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.783.000	-	1.783.000	-
Cộng	<u>7.626.152.175</u>	<u>3.324.369.175</u>	<u>12.526.152.175</u>	<u>3.324.369.175</u>

Trong đó: khoản nợ phải thu trên 90 ngày là 3.324.369.175 đồng.

2817
NG T
HIỆM H
ÁN VÀ
AN
P. H C

5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		3.324.369.175	-		3.324.369.175	-
- Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)	Trên 3 năm	3.324.369.175	-	Trên 3 năm	3.324.369.175	-
Cộng		<u>3.324.369.175</u>	<u>-</u>		<u>3.324.369.175</u>	<u>-</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.324.369.175)	(2.355.256.507)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(969.112.668)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>(3.324.369.175)</u>	<u>(3.324.369.175)</u>

6. Tạm ứng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	1.429.097.625	-	1.256.850.000	-
Cộng	<u>1.429.097.625</u>	<u>-</u>	<u>1.256.850.000</u>	<u>-</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Đầu năm
Thiết bị, truyền dẫn	7.982.773	6.960.953
Cộng	<u>7.982.773</u>	<u>6.960.953</u>

8. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

8.a Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược cho bên liên quan</i>	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000
- Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam (*)	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000	1.130.000.000
<i>Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược cho bên khác</i>	-	-	-	-
Cộng	<u>1.130.000.000</u>	<u>1.130.000.000</u>	<u>1.130.000.000</u>	<u>1.130.000.000</u>

(*) Là khoản tiền đặt cọc cho Hợp đồng số 01/2013/ASC-SDTC ký ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Hợp đồng số 112/2013/ASC-SDTC ký ngày 27 tháng 06 năm 2013 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Mua bán nợ Miền Nam. Theo hợp đồng trên, Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam chịu trách nhiệm hỗ trợ Công ty tìm kiếm các đối tác có nhu cầu mua bán các khoản nợ của các doanh nghiệp mà Công ty đang tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp.

5-C
Y
ƯU H
TỰ V
/11/17
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.b Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Số cuối năm	Đầu năm
- Thuê văn phòng	111.244.000	111.244.000
- Khác	15.000.000	15.000.000
Cộng	126.244.000	126.244.000

9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nợ quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	Trên 3 năm	1.130.000.000	-	Trên 3 năm	1.130.000.000	-
Cộng		1.130.000.000	-		1.130.000.000	-

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.136.566.194	825.536.363	414.122.454	2.376.225.011
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.136.566.194	825.536.363	414.122.454	2.376.225.011
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.136.566.194	232.435.854	414.122.454	1.783.124.502
Khấu hao trong năm	-	103.192.056	-	103.192.056
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.136.566.194	335.627.910	414.122.454	1.886.316.558
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	593.100.509	-	593.100.509
Số cuối năm	-	489.908.453	-	489.908.453

Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.550.688.648 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.839.121.305	2.839.121.305
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	<u>2.839.121.305</u>	<u>2.839.121.305</u>
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	2.624.921.305	2.624.921.305
Khấu hao trong năm	71.400.000	71.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	<u>2.696.321.305</u>	<u>2.696.321.305</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	<u>214.200.000</u>	<u>214.200.000</u>
Số cuối năm	<u>142.800.000</u>	<u>142.800.000</u>

Trong đó nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.590.621.305 đồng.

Phần mềm tin học chủ yếu là: phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước cho các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước cho các nhà cung cấp khác	725.300.000	808.500.000
- Công ty TNHH Môi trường đô thị TPHCM	79.200.000	79.200.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10	55.000.000	55.000.000
- Các khách hàng khác	<u>591.100.000</u>	<u>674.300.000</u>
Cộng	<u>725.300.000</u>	<u>808.500.000</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	91.278.292	-	-	(91.278.292)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.755.249	-	-	(21.755.249)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	54.468.040	-	127.320.600	(127.866.000)	53.922.640	-
- Thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	<u>167.501.581</u>	<u>-</u>	<u>130.320.600</u>	<u>(243.899.541)</u>	<u>53.922.640</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.584.218.361)	108.776.244
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		-
Thu nhập chịu thuế	(3.584.218.361)	108.776.244
Chuyển lỗ từ các Kỳ trước	-	-
Thu nhập tính thuế	-	108.776.244
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	21.755.249

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí khác phải trả	42.406.000	62.362.274
Cộng	42.406.000	62.362.274

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	190.271.574	190.271.574
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.271.574	190.271.574
Cộng	190.271.574	190.271.574

16. Vốn chủ sở hữu**16.a Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

16.b Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(19.839.688.996)	(19.926.709.991)
Lãi/(Lỗ) trong năm	(3.584.218.361)	87.020.995
Cộng	(23.423.907.357)	(19.839.688.996)



17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngoại tệ (USD)	USD	27,82	38,82
- Cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	5.600.000	5.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		
- Doanh thu ban đầu	-	383.450.000
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Doanh thu thuần	-	383.450.000
b. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		
- Doanh thu ban đầu	1.028.181.818	6.280.681.818
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Doanh thu thuần	<u>1.028.181.818</u>	<u>6.280.681.818</u>
Cộng	<u>1.028.181.818</u>	<u>6.664.131.818</u>

2. Chi phí hoạt động

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	-	-
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	191.074.260
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-	-
- Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.699.805.142	3.129.682.178
- Chi phí các dịch vụ khác	-	-
Cộng	<u>2.699.805.142</u>	<u>3.320.756.438</u>

3. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	770.881.600	1.133.673.073
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	73.840.000	76.085.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.192.056	111.158.187
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	969.112.668
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền	963.289.305	945.744.969
Cộng	<u>1.914.202.961</u>	<u>3.238.773.897</u>

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.584.218.361)	87.020.995
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.584.218.361)	87.020.995
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.600.000	5.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(640)	16

5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.584.218.361)	87.020.995
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.584.218.361)	87.020.995
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.600.000	5.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(640)	16

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.a Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và thưởng	394.760.000	201.500.000
Cộng	394.760.000	201.500.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

3.b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Hoàn Lộc Việt	Cổ đông lớn
- Công ty CP mua bán nợ Miền Nam	Kiểm soát chung bởi cổ đông chi phối
- Công ty CP Điện Mặt trời Mỹ Sơn Hoàn Lộc Việt	Kiểm soát chung bởi cổ đông chi phối

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<u>Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt</u>		
- Chuyển tiền cho Hoàn Lộc Việt	6.000.000.000	29.450.000.000
- Thu hồi tiền từ Hoàn Lộc Việt	10.900.000.000	24.178.016.000
<u>Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)</u>		
Không phát sinh	-	-
<u>Công ty CP Điện Mặt trời Mỹ Sơn Hoàn Lộc Việt</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn	-	4.436.363.636

Số dư với các bên liên quan khác

Là số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt</u>		
- Các khoản phải thu khác	4.300.000.000	9.200.000.000
<u>Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC)</u>		
- Các khoản phải thu khác	3.324.369.175	3.324.369.175
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.130.000.000	1.130.000.000
<u>Công ty CP Điện Mặt trời Mỹ Sơn Hoàn Lộc Việt</u>		
Không có số dư	-	-

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của công ty là tư vấn đầu tư chứng khoán.

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đến 1 năm	216.772.908	781.848.588
Trên 1-5 năm	-	-
Cộng	<u>216.772.908</u>	<u>781.848.588</u>

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ MINH HUYỀN

PHAN THỊ MINH HUYỀN

ĐẶNG QUANG TÝ